

畜六

LUC SUC.

---

LES SIX

ANIMAUX DOMESTIQUES.

Par

P. L.-B. TRUONG VINH KY.

士載  
張  
永  
記

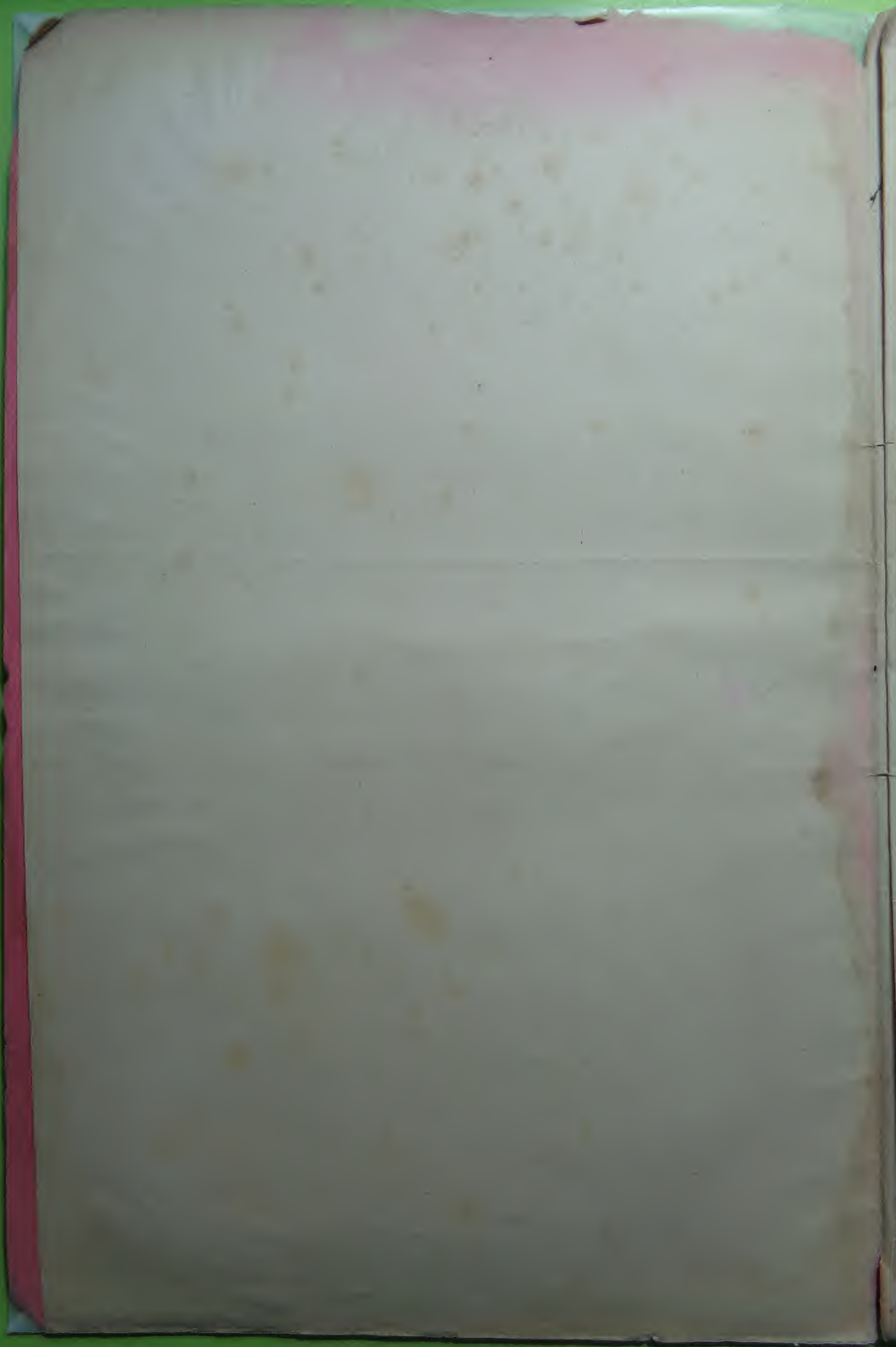
SARIGON

IMPRIMERIE DE LA MISSION.

1887.

Tout droits réservés.

---



六畜

LUC SUC.

LES SIX

ANIMAUX DOMESTIQUES.

PAR

P. J.-B. TRƯỞNG-VĨNH-KÝ.

載  
張  
永  
記

SAIGON

IMPRIMERIE DE LA MISSION.

1887.

Tous droits réservés.



1864

100 1/2

1865

100 1/2

1866

## LỤC SÚC.

---

Lục-súc là *Ngựa, trâu, dê, gà, chó, lợn (heo)*. (*Mã, ngựa, dương, kê, khuyển, thi*). Sáu thứ ấy nguyên bởi người-ta hay nuôi, nên kêu là *Lục-súc* (sáu con vật người-ta nuôi).

Ta đem riêng ra đây biệt loại, có ý nói dẫn cho rõ hơn, cùng đem cái thơ *Lục súc tranh công* là thơ người-ta nói vua Thiệu-trị làm ra mà ngăn lòng đình thần hay tranh đua với nhau.

Thơ ấy nên coi để cho ai nấy xét bổn-phận mình với bổn-phận riêng kẻ khác mà so-sánh tranh lành tranh tốt với nhau; đua làm danh phận riêng mình cho hay thì là hơn. Như vậy khỏi phải nhọc lòng ganh-gổ, ghen-ghét kẻ khác mà bỏ không coi lại nơi mình mà trau mình mình. Xưa người-ta bày mà vẽ hình người mang 2 cái túi, một cái để trước ngực, một cái để sau lưng; cái trước ngực là cái để chứa những sự lỗi kẻ khác; còn cái sau lưng là cái đựng những sự xấu của mình; mà không thêm coi đến, cứ để dòm-ngó xem-xét của người-ta mà-thôi. Sao chẳng nhớ ời sách dạy rằng: *hữu chư kỉ nhi hậu cầu chư nhân; vô chư kỉ nhi hậu phi chư nhân*. Phải có nơi mình rồi hãy nên tìm nơi người; phải mình không có (lỗi) nơi mình đã, rồi hãy bắt lỗi nơi người-ta mới được. Ai đều có phận riêng nấy; ai cũng không sướng hơn ai, mà cũng không cực hơn ai: mỗi người riêng mỗi phận, riêng mỗi kiếp. Nên cứ phân-bì ganh-gổ nhau làm chi vô-ích? Cũng chẳng nên chê-bai khinh-bạc lẫn nhau vô lối: vì phải nhớ trời đã sinh ra nhưn nhưn các hữu kì tài, vật vật các hữu kì ích,

---





## 1. — NGỰA (MÁ).

Con ngựa là con *súc* dùng mà cỡi, mà kéo xe, v. v. Trong nước Annam có xứ Phú-yên, Bình-định có nhiều hơn hết.

### SẮC NGỰA :

HỒNG — *điều*, ( hồng đỏ ); — *lão*, (mình hồng; mao cấp trắng); — *lợt*, (sắc lợt hơn sắc ngựa đậm); — *đinh*, (— sẫm).

TÍA — *son*, đỏ ít hơn hồng điều. — *mật*, sẫm vừa. — *khối*, sẫm đen. — *cháy* là tia sẫm.

KIM — *than*, lúm-dúm đen trắng. — *xanh*, gần như kim than. — *lem*, trắng có lém-dém đen, trước đen lem sau trở trắng. — *lân*, mao cấp chơn đen, mình trắng. — *trắng*, toàn sắc. — *qui*, lúm dúm đen trắng như vẩy qui.

Ô — *cát*, đen vừa-vừa; — *quạ*, sắc đen lánh đen hắc.

HÔI — *bóng*, mình trắng tuốt. — *đồng*, có hơi vàng-vàng một chút.

BÍCH — sắc xám-xám mốc-mốc. — *xanh*, thiết sắc bích.

SÉO — *xanh*, lông đen lông trắng. — *điều*, lông điều lông trắng.

ĐẠM — *chỉ*, có cái chỉ trên lưng từ cấp ra tới đuôi. — *giấy*, trắng hơn — (=đậm sấp). — *bóng*, — to lông, trắng mốc. — *sấp*, mình trắng không phải trắng không phải vàng (=đậm giấy). — *đồng*, lợt vàng-vàng.

HẠC — *trắng*, trắng phau hết cả. — *phèn*, trắng có hơi vàng-vàng.

KHỬU — sắc sẫm hơn ngựa tia. Ngựa *miền* = ngựa *vá*.

### MÌNH NGỰA :

Ngựa thì có *mao* có *cáp* lại có *mao đê*, *dài dòn*, *vắn dòn*, hoặc *lưng tôm*, hoặc *kiểu an* (oằn lưng xuống), có con *xuôi hậu tọa voi*, *lộ biêu*; *dày sườn* bên ngựa; *chày nhỏ*, *chấn tự thắt*, *tai vạt trúc*, *móng đứng*, *móng chuông*, *móng chài* = *móng vẩy ốc* — *vộp* (= *vẹm*) *sâu về tên* thì tốt.

Nhỏ lông, béo, *dầy*, sung mình, *đứng tàu hí*, *sít*, *dậm inh-ôi*. Ngựa nhỏ thì kêu là ngựa *cu* (ngựa ri T.); có con mình bầu, có con mình nai. Ngựa có đặt tên.

### NƯỚC NGỰA :

*Sải*, *nhảy sải*. *Tể*, *tể lớn*, *tể nhỏ*. *Kiệu*, *kiệu đậm*, *kiệu già pha*

*tẻ nhỏ, pha-phách, nhẩy chơn ba.*

Có con đi *cầu đầu phụng vĩ* coi xinh lắm; đi *dầu trên*, đi *cuồn vó* hay-là *bổ vó hùm, vó lứt*, tiền *bổ hậu phi, khai hậu*, rộng bộ; rộng cự, vó chải (cuối), *búng* tới qua mặt, ngồi thì êm, coi thì sướng con-mắt.

Cỡi nó phải *cầm cương* cho thẳng, kéo nó *sùm*, có con nhẹ mép, con *tao* nặng *tao* nhẹ, nặng *cương* nhẹ *cương*, *dai cương*, *lều cương*, *lệch* (chéch) *cương*.

Có người cỡi *vế trên*, người cỡi *vế dưới*. Cỡi theo phép thì hình như khô mộc, hai cánh tay khít nách.

**ĐỒ NGỰA (KIỀU KHẨU)** — Thằng ngựa thì có *kiều-khẩu*, *mặt khẩu*, *dây óc* cột hàm-tuyệt, nơi hàm-thiệt có 2 *con tôm*, (chông trái ấu) 2 bên 4 cái *thò*, có *nam* có *hườn* (huyền), có *tụi*, trên có *dây cương*, *dây khóa*; cổ đeo *bản lạc*, lạc trái *chanh*, lạc chữ *thọ*, lạc *ve*, đầu có *cúc*, có *khuy*, tra vô *bản*. Trên lưng có *lá thí* (thúy), có *yên*, *lá* 2 bên có 2 *lá vế*, có *đôi dậm* bên này bỏ qua bên kia có 4 *con lẩn*, bộ *bã đưng* có *nải*, treo vô *yên* 2 bên bỏ xuống, dưới chót có *chơn-đưng*, có *dây thắt đai* 2 đầu có *xách* (khoen) mà thắt dưới bụng ngựa. Sau có *hậu thu* có *xách* néo vô *yên*; trước cổ có *lá phủ tiền*, sau dít có *lá phủ hậu*, có *tụi rơi* trước sau.

**CHỪNG NGỰA** — Có con *lậu-đế* hay què đi nhúc-nhắc; xuống móng (ra móng mới) thì nhấc càn-nho xĩa tiền. Có con hoặc *đạp đế*, hoặc *cọ đế*, hoặc đi *quẹt* chơn sau; hoặc *cỏ-xạ*, hoặc *sa hoàng* thì là ngựa hư. Lại ngựa chừng có con *dựng*, *lẩn*, *ngồi*, *thối hậu*, *né*, *trần*, *trố đường*, *chồm*, *chụp*, *đá*, *cắn*, *cắt*.

**XOÁY**, (tốt, xấu) — Xoáy Tam-tinh, 3 cái đóng ở giữa trán.

— *triều-thiên*, là như 3 cái xoáy đó đóng cao lên trên.

— *giống*, là 2 cái xoáy đóng 2 bên mép tai.

— *lạc giống*, là xoáy giống mà đóng trịch xuống dưới bản cổ.

— *độc dao*, là như nó ở tại bản cổ mà có một cái mà-thời.

— *dàng xà*, 2 cái giống đóng ngay mà trịch xuống xa.

— *tiền* là 2 cái xoáy đóng ngay 2 bên ức (nô).

— *nô* là xoáy tiền mà có 1 cái đóng chính giữa ức.

— *đầu o*, là xoáy nô không loả, nó vận tròn xoắn khu ốc lại.

— *yết hầu*, xoáy đóng ở giữa ngay họng.

— *máng*, 2 xoáy đóng 2 bên dưới bàm.

— *vân-anh*, xoáy có 1 cái đóng ngay giữa xương sống.

— *hỏa tiền*, xoáy đóng giữa dưới bụng thân trên rùa.

— *hậu đai kiếm*, 1 hay-là 2 cái đóng ở sau gót chơn sau.

— *vạn*, 2 xoáy 2 bên hông, đừng treo đừng trễ thì là tốt.



— hậu lán môn, xoáy 1 cái đóng trên trái vế.

Ngựa 4 chơn dưới mao-đế có 4 xoáy thì là ngựa hay (thiên lý mã.)

Gáy ngựa rẽ ra hai bên thì kêu là *phấn-tổng*.

Đuôi mập cộng (bắp đuôi) chề-bề nhiều lông cong-quẹo kêu là đuôi *bẹ dĩa*.

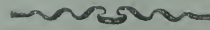
Đuôi ốm, tong cộng, xơ-rơ thì kêu là đuôi *lành-canh*.

Cổ ngựa ền ra ngay đơ thì kêu là *cổ lồi*.

Đi *đầu lữ*, hay-là *cổ lữ* thì là không phải đi *đầu trên* mà cũng không phải đi *đầu dưới* cho thiệt.

Cổ bản-rô là cổ vắn, lớn mấy giữa.

Ngựa khiến nó đi bên nào thì *nhích cương* bên nấy; muốn biền đứng lại thì nói: *Họ*.



VOI. (TƯỢNG c.)

Voi có voi *rừng*, voi *dụ*.

Voi *đực*.

— *nàng* là voi cái. — *sò-đo*, voi cùng ngà. — *bò-cóc*, voi nhỏ con.

— *chúa đoàn*, con cầm bầy. — *một* (ngà). — *vĩnh* (ngà) — *tréo* ngà.

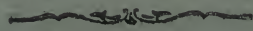
Voi thì có vôi, có ngà, có nanh, con mắt nhỏ, tai lớn, chơn đứng, lưng khum, tọa dõc.

Trên lưng bắc *bành*, trước cổ có *thằng nải*, cầm vớ, khi đậu lại, thì *kiềng* chơn rồi mới thả.

Voi *đánh*, voi *tét*, voi *ré*, voi *rống*. Khi nó *sổ dữ* thì nó hung ăm. Người-ta có đặt cái vè con voi, để nói đi nói lại mà chơi rằng:

*Tạo ơi là tạo, tạo ở rừng xanh, tạo ăn lá tranh, cùng là cỏ dế, cha mẹ làm khế, bán tạo cho ta, những thuở nên ba, đem về dạy dõ, lấy dây cột cổ, lấy vớ đánh đầu, biều đầu thì đầu, biều mẹp thì mẹp, ở cho có phép, mai mốt về đình, trai gái gặp-ghênh, tạo ơi là tạo.*

Voi khiến nó đứng lại thì la: *Đón*; biều lấy vôi mà bắt thì la: *Quơ*; biều quì thì la: *mẹp*, (*mop*).



2. — TRÂU BÒ. (NGƯU c.)

Trâu cũng có trâu *rừng*, trâu *nhà*; trâu *rừng* có *chúa đoàn*, trâu *nhà* thì có trâu *cầm bầy*. Trâu *nhà* nuôi mà *cày*, *bừa*, *xe*, *cộ*, *đạp lúa*. *đạp mía*; khiến đi *tả hữu*, thì nói *thá* (*tả qua hữu*), *ví* (*hữu qua tả*)

*oanh* là, hoặc quanh qua tả hoặc quanh qua hữu; *giở* là biểu đứng lại (*tắc rì* T.) Còn *nghe* thì thả không, mà lớn lên thì có *xỏ mũi*, *dày mũi* thường bằng mây đánh. Nó hay *ngành*, hay *báng*, hay *chém*.

Bụng bầu-dài, tai lá mít, trít móng con, tròn móng cái, lẳng khía sừng, dày xương sườn, to bắp đuôi, là trâu tốt.

Lộ *biểu*, hay ốm, dưới âm-môn có xoáy, thì ranh con (= dễ hay chết). Đỏ con-mắt hay sịt hay chém vật. Sâu khía sừng, thừa xương sườn, móng *chèn-bet*, nhỏ cộng đuôi thì là trâu xấu. Có khoang trắng dưới cổ mà vòng lên 2 ngọn đều chia ra hai như cây nạng kêu là *trâu khoang nạng*, cũng xấu.

Mẹ trâu đen đẻ con trâu trắng, mỗi người mỗi mắng nói để làm chi.

Mẹ trâu trắng đẻ con trâu đen, mỗi người mỗi khen, biểu để làm

Trâu *cỏ* (= trắng), mình trắng hết. [giống.

— *đen*, mình đen hết, hoặc mình đen lang chơn trắng. — *cui*, 2 sừng tròn lại ra không dặng dài. — *mạp*, 2 sừng đều quặp xuống đất. — *bỏ non*, là trâu dẹt, nhỏ con. — *mờm*, là trâu dầy trái cổ. — *u*, người-ta nói tiếng đôi làm-vậy là vì có con u, hình tượng in con trâu hết, mà không có sừng. — *mộng*, là nghe đực chưa vục chưa xỏ mũi.

## BÒ.

Bò cỏ bò rừng bò nhà. Nó hay *cụng*, *đụng*, *báng*, *đá*. Nuôi nó để cày, bừa, đi xe....bò cũng khiến *thá*, *ví*, còn khiến đứng lại thì nói: *Xốp*.

Bò *mốc*, trắng hết cả mình mà trắng mốc-mốc vậy. — *ô*, đen hết cả mình, có sạm có lọt. — *khứu*, sắc lông trắng đục-đục. — *lước*, lông trắng dợt-dợt đen-đen, mà lọt hơn khứu. — *vá*, là lông nó có miếng trắng miếng vàng miếng đen. — *phèn*, lông hue-hue như nước phèn. — *vàng*, mình vàng hết, có sạm có lọt, có thứ có sọc đen dài trên lưng cho đến đuôi. — *lem*, lông không vàng không trắng mà có hơi đen-đen. — *ben*, cũng là bò lem. — *đính*, có đính trắng trước trán như ngựa bướm trán. — *vện*, mình vàng có vằn như vằn cạp. — *cui*, 2 sừng nó tròn lại như trâu cui. — *mạp*, 2 sừng nó quẹo xuống. — *u*, trên trán có u lại không có sừng. — *gu*, có cái gu cao lên trên chỏ vai. — *nghe*, là bò con, còn tơ lắm. — *tơ*, bò con còn nhỏ tuổi. — *me* (T. mẹ), là bò con chưa có sừng. — *hoa* (T. = bò không có thiến). — *mộng* (T. = bò thiến).

Hễ là trâu bò chẳng hạng, khi không mà sút đi 1 sừng thì hệ chủ.

Trâu bò cũng như chó, có đặt tên riêng cho mỗi con hết thấy.



Khi *xỏ mũi* thì kêu là *đám ghim*; khi tập nó đi cày hay-là đi xe thì kêu là *vực* bò *vực* trâu.

Trâu bò cũng *nhảy cái, chịu đực*; mà khi bò hoặc nục mỗ ức báng hoặc rợn đực thì kêu là *Bò dống*.

Trâu bò thì lấy da lấy sừng, bò hay ăn thịt hơn là trâu.

#### XE BÒ.

*Vòi đờn* là cây cong lên đâm ra trước để treo mũi bò hay-là treo *Cái xe*, là cái cây chạy luôn ra vòi đờn. [lạc bầu.

*Ách* —, cây ngang để mắc cổ bò.

*Răng* —, 2 cây tròn nhỏ xĩa xuống phía ngoài đầu ách.

*Cái dục* là khúc cây vắn ở giữa ví.

*Ví*, là 2 cây tròn nhỏ dút vô *đùm* xe.

*Thang* là 4 cái thang giăng qua, cửa ngàm hai đầu để kèm *thanh xe*.

*Đuôi tôm* là 2 cái chót thang xe.

*Bánh xe*, là cái vành tròn có *đùm* ở giữa, có *cắm* xĩa ra, để cho

*Vành xe*, là cái vòng ngoài bánh xe. [nó lẫn.

*Cắm xe* là những cây xĩa vô *đùm*.

*Đùm* (=tum) là 2 khúc cây tiện tròn, lớn khúc giữa để *xỏ* *cắm* xe, đục lỗ tròn *xỏ ví*.

*Đòn gánh xe*, là trước 1 cây, sau 1 cây đâm ngang qua.

*Chà rẹt*, là 2 cây dọc 2 bên giúp 2 cây ngang.

#### XE TRÂU.

*Thanh xe*, 2 bên 2 cái.

*Ách*. (V. ách xe bò).

*Thang*, là 3 cái gác ngang qua *thanh*.

*Ngà xe*, là 6 cái chốt cao xỏ lỗ đứng lên mà đỡ đỡ chố.

*Tướng xe*, là 2 bên mỗi bên 3 cây đứng vắn hơn cây ngà, có 5 cây dọc tra vô lỗ 3 cây đứng.

*Con suốt* là cây chốt tròn thấu bên này qua gối bên kia, để mà buộc néo *gối* với *ví* cho chặt.

*Ví*, là một cây luôn qua thấu 2 bánh.

*Bánh xe*, làm bằng cháng cây lớn nguyên 1 tấm.

*Tum xe*, là lỗ giữa bánh để vô 1 khúc cây làm *tum* có đục lỗ để dút *ví* vô.

*Gối xe* là 2 tấm cây vắn để *chính* giữa *thanh xe*, chồng lên trên cây *ví*, có néo dây.

CỘ.

Cộ dễ mà cộ mạ, trước có cái ách móc trâu; sau có 2 cây dài cong quót đầu lên, tra thanh ngang có 4 trụ, lại có gác 4 cái thang bắc ngang qua, 2 đầu có cửa ngàm kèm lấy để chắt mạ, chắt lúa bỏ mà kéo. Ván kéo mạ một hay-là nhiều tấm: ván cong quót lên có dây cột mà kéo mạ qua chỗ đất sinh.

CÂY.

Một cây dài cong-cong chạy ra trước có cái mấu để máng nài dây vô ách kêu là *Bấp cây*, giữa bấp có một cây chốt xổ xuống kêu là *náng cây*; ở dưới một cái cây cong như chui sao đầu, trước để tra lưỡi cày, kêu là *Mỏ cây*, sau vót tròn để cầm mà cày kêu là *chui cây*. Ở dưới chỗ tra *náng cây* mà trên mỏ cày có tra một tấm cây vuông mà xéo, lại đeo lồng nó nao-nao, kêu là *Trạnh cây* để khi cày nó căng đất cho đất lật úp lại.

BỪA.

Trước có 2 cây dọc giùm đầu lại, chẳng đuôi ra kêu là *Gọng bừa*. Một tấm cây vuông ngang qua, một phía đục lỗ tra 2 đuôi gọng ấy kêu là *Tấm bừa*, dài 5 thước 5 tấc. Bề dưới có 9 cái răng bằng cây dài 2 tấc rưỡi. Trước gọng bừa có nài máng vào ách.

TRỤC.

Hai bên 2 tấm cây đứng trên nhỏ dưới lớn kêu là *tai trực*, phía trên có cây vắn giăng ngang qua, lại hai bên tra 2 cây dọc như gọng bừa. Dưới một khúc cây lớn có 5 khía như trái khế, kêu là *ống trực*, 2 đầu tum nhỏ lại tròn tra vô 2 cây đứng, (= là tai) để khi kéo nó lăn theo nó nhận cỏ. Người thì đứng trên thanh ngang mà *đánh trâu mà trực*.

VÁN CON TRÁU.

Con trâu ở với nhà giàu, làm tới hết sức: nên ba thì *vực*, nên bốn kéo cày, kéo cho nửa ngày, giờ Ngọ mới mở, lên bờ mà thở, hết mệt thì ăn, xe cộ lãng-xãng, dầm mưa dãi nắng, đói ăn chẳng



đặng, lợi lăm lợi bùn, gai-gốc cũng chun không ai triu-trón, ai nuôi mây lớn, ai dưỡng mây già? Kẻ thì lột da, người thì cắn trống, máu chảy đầy đồng, nhuộm lưới đi săn, thịt thì xáo ăn, xương sườn làm vách, cứt thì trét vách, trồng cải đồ dưa, sừng thì lại cưa, tù-và mà thối, làm nên mọi nổi, lược dày lược thưa, tiện ra con cò tiện ra cán mác, làm bầu thợ giác, tiện ra cần cung, tiện huyền cây giàng, tiện thoi dệt cửi? . . . . .

### BÒ RỪNG.

Bò rừng mà tách bầy ở riêng một mình thì là *Con gín*. *Gín cỏ*, là khi gín nó còn hay ăn cỏ. Mà *Gín rần* là khi gín nó hết ăn cỏ mà ăn rần, nên người-ta nói sừng nó kị rần.

*Bò tốt*, có kẻ tưởng nó cũng là con gín.

Kêu trâu thì kêu: *àng-ê!* hay-là *nghe ngo!*

Tên hay đặt cho trâu mà kêu là Trâu *bầy*, — *dông*, — *đụng*, — *xông*, — *tượng*, — *voi*, — *chảng*, — *trít*, — *đàng*, — *pháo*, — *mâm*, — *hìm*. . . . .

### TRÂU TRÁCH CHỦ.

Trời sanh tao có một hàm răng, ăn cỏ đất đồng uống nước bờ ao, tao sống mây chẳng thương tao, tao chết mây lại cầm dao xẻ mình, thịt tao mây để nấu ninh, da tao bịt trống, tụng kinh trong chùa, sừng tao mây tiện con cò, cán dao, cán mác, lược dày, lược thưa. . . . .

---

### 3. — DÊ. (DƯƠNG)

Dê cũng có thứ *dê nhà*, *dê rừng* (*linh dương*).

Nó cũng có nhiều sắc, có con trắng toàn sắc, hoặc đen hết cả mình, hoặc vá. Hình nhỏ, bụng to, lông dài, râu xộn, vắn đuôi; đực cái cũng đều có râu có sừng. Ăn thì ăn tạp-nạp, có khỏ-qua với xương-rỗng nó không ăn mà-thối. Ăn no hay giỡn mặt cụng nhau, hay leo-trèo chỗ cao mà nằm, tiếng tục hay nói: *rê-rê như dê nằm miếu*. Cũng là một thú nuôi phải có người chăn.

Loại nó thường dùng về việc tế lễ; lễ *tam lao* gọi nó là *thieu lao*. Thịt nó ngon, ăn bổ.

Con đực mà lớn thì kêu là *dê xôm*, tánh nó hay dâm; nên tục hay ví mấy người hay ve-vãn, trai-gái vô-độ, kêu là *hay dê*; lại cũng kêu là *máu dê*.

Dê rừng có 2 thứ:

Một thứ *dê rừng trắng sừng* (chữ kêu linh dương, giải-tri c) có một sừng trắng mà cứng lắm; sừng nó đập ngọc kim-cang mới bể. Trào Nguyễn, niên-hiệu Triệu-trị năm nhâm dần (1843) mùa-xuân, ở ngoài thành lãng Hiếu-lãng có một con chạy lạc tới, quân giữ lãng bắt được dưới chằm, đem dâng cho vua nuôi. Coi lại với con dê rừng đen sừng có khác nhau.

Sừng nó hay trị chứng *kinh-phong*.

Một thứ *dê rừng đen sừng* (dã dương, nguyên dương c, sách bốn thảo). — Hình nó cũng như dê nhà, mà có sỏn hơn; thịt nó ăn ngon thịt, hiền không độc. Nó kị nọc rắn, cùng hay trị chứng chổi nước.

---

#### 4. — GÀ (KÈ).

Gà vịt là súc nuôi mà ăn, hoặc lấy trứng, hoặc ấp cho nó nở lấy con. Gà có trống có mái; có *mỏ* có *móng*, có *tích* có *cựa*. Gà trống gáy điểm canh, gà mái đẻ trứng, ấp con, tục-tác, túc. . .

#### GÀ RỪNG.

Gà *lói*. Gà *sao*. Gà *nước*. Gà *rừng*. (Coi trong *Loại chim*, chỗ ; Gà).

#### GÀ NHÀ.

Gà *nồi* (= chọi, độ) là gà nuôi để mà đá đò. — Con gà *độ*, gà *chọi* là gà đã đá được.

Gà-*cổ*, là gà *nồi*, lớn chạng lớn con.

Gà *trục* (trụi) là gà *nồi* mà còn tơ còn nhỏ, ít lông.

Gà *chấm-niên*, gà chọi nuôi đã được 1 năm rồi.

Gà *lắt tích*, gà chọi nuôi đã khá lâu, ( 8 tháng ) đem cho *xỏ một mặt* hai mặt, rồi *lắt tích*, 4 tháng lành, ra độ kêu là *gà chấm*.

Gà-*chim*, là gà dài lông, nhỏ mình, hay bay.

Gà *cúp*, gà lông đuôi vắn và cúp xuống.

Gà *rì*, là gà hoặc sắc chuối sắc vàng, thấp chơn, dài lông cổ, lông đuôi, thường là gà *thiến*; không *thiến* thì kêu là *gà kiếng*.



Gà *thiến*, thường là gà ri bắt thiến đi, nuôi vòng cho nó mập mà ăn thịt.

Gà *ác*, gà lông trắng, mà da, thịt, xương xanh đen.

Gà *ngũ trảo* (= năm móng), là gà ác năm móng.

Gà *xước*, thứ gà lông nó xước ngược ra đằng trước.

Gà *chạ*, là gà ngang, hoặc lai gà nòi, hoặc lai gà chim. . . .

Gà hay gáy canh, người-ta coi giò mà bói. Thịt nó ăn ngon; gà ác lại nên thuốc. Tục nói: *ếch tháng 3, gà tháng 10* thì ngon thịt.

### SẮC GÀ.

Gà *nhạn*, lông trắng toàn. — *ô*, lông đen toàn sắc. — *nô*, (= gà *hoa*), có lốm-dốm, lông trắng điểm đen, đen trắng xen nhau. — *chươi*, trắng vàng-vàng điểm lông tía. — *tía*, sắc đỏ xanh thâm-thâm, xanh đen. — *xám*, trắng trộn xanh, vàng lợt-lợt, — *xám son*, xám có hơi đỏ-đỏ. — *cú*, lông đen có dốm trắng giăng ngang. — *cú son*, lông xám mà điểm trắng. — *vàng*, lông vàng hết cả, hay-là bìa có chạy chỉ đen-đen. — *ố*, mình vàng có điểm son.

Gà chọi cũng có đặt tên mà kêu. Gà *đá* (chọi) nuôi *dỏ*, *bội*, khi đem đi đá thì cho đứng *lống ép*. Gà ri gà thiến nuôi vòng; còn gà vườn ban ngày thả đi ăn, tối có chuồng nó về nó ngủ. Gà mái *nhảy ổ*, *kêu ổ* là khi nó muốn đẻ, nên phải lót ổ cho nó. Đẻ rồi nó *tục-tác*; được khá trứng, nó lên nó nằm nó ấp, nở rồi phải *xuống ổ* cho nó; một lần như-vậy kêu là một *lứa*, một con gà mái đẻ kêu là một *mái gà*.

Người-ta ăn gà, ăn trứng nó hoặc sống hoặc chín, hay-là đập ra mà chiên, lại ăn trứng gà *lộn*, mới lộn *trái vải*; ăn thịt nó thì hoặc nấu cháo, xé phay trộn rau-răm, hoặc *quay* nó đi, hoặc nấu *bí đao*, đậu-đủ. Kêu gà thì kêu: *cú cú*.

### GÀ CHỌI. (=ĐÁ).

Thường người-ta lựa được nòi gà tốt, nuôi nó *kĩ-cang* lắm, sáng-sắc cấp-ca cấp-cúm; đến kì (8 tháng) đem đi xổ một mặt hai mặt rồi *lát-tích* đi, 4 tháng lành rồi thành gà *chăm*; bỏ *lống ép* đem đi đá kéo òm nó giẫy *xông gà* đi. *Cáp* được chạn rồi (kêu là *dụng chạn*) mới đá, vì người-ta thường biếu: *gà sứt chớ đá, ăn về cũng hư*. Cựa sắc quá thì phải qua cựa.

Lựa gà, thường hay coi vẩy, coi tướng, coi tiếng gáy: như *vấn khâu một trầu không bán, vấn cùn một cái bánh trắng không thêm*.

Gà ở chơn trắng mỏ ngà, đá đầu ăn đó thật là thần kì. Gà đá lệ thì mỏ xuôi, đuôi vốc. Bống thì tục-tục kêu con, thế hầu đá lệ ai còn dám đương? Nhứt mà-la, nhì ba đội ba né lông. Nhứt bò hầu, nhì mỏ ó.

Vảy nó thì có vảy hường giáp = vảy son, hắc giáp, thanh giáp, vảy đỏ, vảy đen, vảy khoán, vảy nhơn-tự. v. v.

Đá cũng có nhiều cách :

Đá chằm. « vớ, « buộc, « tự-vận, « via, « sỏ, « mé, « hầu, « ngang, « bồi. Quảng, vãi chơn không, nạp, chống nạp.

Ca gà. — Già-giạ ông ở trên Mọi nuôi trứng gà Lào, cất tiếng hồng đào nhảy lên đá gương, xem hình xem tượng, tợ bột cau non, nó đá chẳng vừa mòn, chẳng hay vừa chạy.....Gà nó đã lớn mà nhỏ phao cầu, đá một hồi lâu đá thâu tận cánh, cánh gà mỏng đánh, cánh gà phê-phê, đến tối gà về gà kiếm nơi đậu, bước qua canh đậu, gà kiếm nơi nằm, bước qua canh nằm, gà cất tiếng gáy, đầu ọ ọ đầu nẩy đầu gần đầu xa, nghe lấy tiếng gà đồng hòa thức dậy.

#### VỀ ĐÁ GÀ.

Lặng-lặng mà nghe cái về đá gà :  
Khi mới đẻ ra lo mua rần hổ,  
Để cho gần ổ, gà ấp lấy hơi.  
Phải cho rờng, nghề-nghiệp ăn chơi,  
Sau đá chọi, cũng nhờ độc rần.  
Gà vừa mới bằng trang cổ-cẳng,  
Bắt đem ra coi trước nhăm sau,  
Đầu gốc tre, con mắt bò-hầu,  
Rộng khoe miệng cùng là mỏ ó,  
Đã thêm vảy đỏ, lại có vảy linh,  
Hễ vồng đuôi xuôi mỏ tài lành,  
Túc tục-tục, đầu thì hay lắc,  
Đã lệ quăng, lại nhăm đá hầu.  
Có vắn-khâu, cầm đáng một trâu,  
Bằng vắn-cán bỏ ra ăn thịt.  
Cất tiếng hét gáy nghe chẳng kịp,  
Ấy là gà nhứt hạng thanh la;  
Gáy ngập-ngừng một tiếng sanh ba,  
Gà nhì hạng kêu là ba đội.  
Nuôi triu-trốn một ngày đến tối,  
Là trong nhà đuổi chẳng thêm di;  
Bảy tám trang xô thử một kì,



Coi đòn đá cùng là lát tích,  
Chơi đủ thứ mới ra bợn lịch;  
Nuôi cho vừa ra độ một năm.  
Cùng anh em đá độ hôm rằm,  
Cáp vừa chận mới làm một độ,  
Kẻ thì vào sổ, người lại đá ngoài,  
Lâm cuộc chơi chẳng kể ai ai,  
Biểu gà nó đánh cho bể óc.

Hề con nào đá cộc đá một cái dặng đau

Đều cất tiếng với nhau ré lên la: nó nó!

Kể cho nước, chăm-chăm mắt ngó,  
Quần xắn lên, áo buộc vào lưng,  
Nhúng nước khăn ngậm miệng làm chừng,  
Ra khỏi thép bắt liền phun sỏ.  
Khi cho nước, bóp chơn thối mủ,  
Chà hai tay chẳng sợ mất công,  
Bỏ ăn trâu hút thuốc cũng không;  
Người lại biểu mút mông một cái  
Đã chẳng kịp coi đi coi lại,  
Cũng không dè máu vấy nhằm râu.  
Thả ra thì giành thế với nhau,  
Lựa phía nghịch cho gà mình đá.  
Đã hết tiếng nói ngang nói chạ,  
Lại thêm duyên nhịn đối nhịn trâu.  
Chồn trường gà ba tấm ván dầu,  
Ai như nấy cũng đều chồm-hồm.  
Kẻ đá trường người thì đá xóm,  
Đã thua hơi rồi lại thua tiền,  
Khuyên vợ con chớ khá tru-phiên,  
Độ này rúi không ai ăn vớt;  
Thua cho đến hết tiền hết bạc,  
Cũng vì tin vầy khoán vầy linh.  
Vợ chẳng thương chưởi xuống chưởi lên;  
Cũng vì mác gà nầy quáng sỏ,  
Nhơn-tự-thời, lại nhiều vầy độ,  
Cựa không đâm thì ván ngựa phải đâm.  
Hắc-giáp chơn đã có đòn tài,  
Đòn không cáo mà bầy trâu đã cáo,  
Chung mắng uhiếc mươn rồi nói lảo?  
Vì đá dai nên mới phù dẫu;

Nhà tan-tành việc bỏ chẳng lo,  
Vì cần vĩa cho-nên bỏ gối.  
Tội ôi là tội ! chơi hời là chơi !  
Vậy cho nên ai nấy trong đời,  
Mè gà chọi muông-săn cũng mệt.

### VỊT.

Vịt xiêm, — ta, — lai, — nước.

### MẸ GÀ CON VỊT.

Vịt rằng : vịt kêu chít-chít, mẹ vịt đẻ ra đem lên ổ gà, mẹ gà nuôi-nấng, chịu đã cơ hàn; con-vịt đa đoan nhảy ùm xuống nước, ra đi cho được : chơn nó thì chèo, miệng nó thì reo, cánh nó thì đập; gà kia lóng-nhóng đứng trên bờ ao : cảm-khổ thân tao : *vịt đã bắt ngãi cùng tao đã rồi !*

Vịt nuôi lấy *trứng*, hoặc ăn thịt, hoặc bán vịt cặp . Làm thịt thì bắc nước, cắt cổ, nhổ lông, mổ ra, rửa-ráy rồi hoặc nấu cháo, hoặc quay đi, hoặc tìm, Lắm nó đi mà ăn. Trứng nó kêu là *hột vịt* ; *vịt chưa đủ lông kêu là vịt bán áo lá*.

Vịt *cỏ*, trắng toàn cả mình. — *đen*, lông đen-đen toàn sắc. — *cà-cưỡng* là vịt lông nó nhứt là lông đuôi nó cuốn chót lại.

Vịt *sen*, lông trắng điểm tía; xanh như sắc cánh con quít. — *rằn*, lông hue-hue mà có điểm đen điểm trắng. — *bầu*, vịt lớn ( = vịt cổ ). — *đàn*, nhỏ con nuôi ngoài đồng. — *cổ*, vịt trống lớn. — *tơ sà*, vịt tơ mập béo, sà dít gần đẻ.

### NGỒNG.

Ngồng cũng có *ngồng rừng* kêu là *ngồng trời*, và *ngồng ta* là những sắc này :

Ngồng *cỏ*, ( hạc, nhạn ). — *sen* ( rằn ). — *chui* là nó ngay cổ nó ra nó rượt nó dọa.

### BÒ-CÀU (CỎ).

Bò-cầu rừng có những thứ sau này :

— — *xanh*, lớn con, lông nó xanh. — — *dắt*, lông xám-xám lợt-lợt, cổ có khoang, có hột cườm lúm-dùm trắng đen. Nó hay gáy,



hoặc nuôi tập làm *cu mới*, mà đi *ráp*, đi đánh cu khác. — — *găm*, như cu xanh mà lớn con hơn. — — *lửa*, lông xám-xám hồng-hồng, cổ cũng có cườm như cu đất. — — *ngói*, mình xám-xám, cánh ửng đỏ-đỏ hồng-hồng. — — *gạch*, mình xám-xám hồng-hồng cũng như 2 con trên.

### BÒ-CÀU NHÀ.

Bò-cầu *nhạn*, lông nó trắng tuốt đi cả. — — *gám*, lông xanh biếc như cánh quít. — — *hoa*, lông trắng xen lông đen. — — *gạch*, hue-hue như màu gạch. — — *tất*, là cu chơn nó có lông. — — *mống*, có chóc-mao. — — *cưỡng*, mình nó như mình cưỡng.

Cu nhà nuôi có chuồng, nó đẻ nó sanh-sản ra nhiều. Nó gù, nó chuyễn hơi, nó đi tha mỗi vể đứt cho con nó ăn.

### DI LẬP BÒ-CÀU PHÚ.

- 
1. Tranh treo mấy bức sơn-hà,  
Đồ gói một bầu thổ vũ. (1)
  2. Chốn-chở gành-nghê bãi-ngọc,  
Liều-lãng thay uốn khúc long-xà!  
Đỏ vàng cỏ huệ hoa lan,  
Rực-rỡ bấy phơn màu cẩm-tú! (2)
  3. Sông hương thủy khói tan sóng lặng,  
Thình-thình kia, chú vãi chài ngư;  
Núi bình-sơn gió mát trắng thanh,  
Hăm-hăm nọ, người giăng lưới thò. (3)

---

(1) *Sơn-hà* là núi sông, chỉ cảnh sơn-thủy xinh-tốt như bức tranh treo vậy. Còn *đồ-cảnh* thì đất gom lại một bầu.

(2) Trên non chốn-chở gie ra làm gành làm bãi; dưới sông lãng-liu quanh-co cong-queo như con rồng con rắn; hoa-cỏ tươi-xanh chỗ sắc vàng chỗ sắc đỏ, coi rực-rỡ như gấm thêu.

(3) Chỉ nhân cảnh trời đất xinh-tốt như bức vẽ như tranh treo, thì sinh ra thú vui chơi: Dưới sông rộng thình-thình, không sóng không sương, thì có người đi chài, đi lưới, đi câu tôm câu cá;

- 4 Số-là trăm kiếng tam xuân,  
Nhưng-vậy mọi người mọi thú. (1)

*Nhớ tánh xưa:*

- 5 Cội đức lăm bỏi,  
Nền nhơn báo-bỏ.  
6 Đạo cao bước tới,  
Trong nhứt sanh, cầu trác ngọc hãy còn giói;  
Cung cứng hằng trường,  
Ngoài trăm bước, chữ xuyên giương hãy chẳng thâu. (2),  
*Vậy nên phải:*

- 7 Nuôi chim mỗi nơi thừa dẫu xưa.  
Vui lòng rắp theo cùng bạn cũ. (3)

*Nợ cái chim cu:*

- 8 Cánh phụng, chơn hồng;  
Lưng công, đầu sáo. (4)  
9 Cửa nuôi thân, lúa-má tràn đồng,  
Đồ sức-phục, hột cườm đeo dầy cổ. (5)  
10 Lầu ba khoa ngôn-ngữ,  
Dùng tiếng gù tiếng gáy tiếng chiều. (6)  
Số năm bực cung thương,

---

trên bộ rừng núi trắng thanh gió mát, khiến ra có người hăm-hở đi săn đi bắn, đuổi hươu nai cheo thỏ.

(1) Dẫu-mà cảnh nào cũng là cảnh vui; mà tánh người-ta một người một ý: kẻ ưa thú nầy, người ưa thú kia, tùy kì-thích.

(2) Chỉ nghĩa là đi lượ bò-câu thì cũng là việc có dức vì bắt được thì dễ sống, đem về nhà nuôi trau-tria nó. Vậy mà đầu-dầu đánh cũng được; chớ kẻ bắn giỏi (xuyên-dương xạ học) hễ ngoài trăm bước thì bắn không thâu.

(3) Bởi sẵn lòng lượ đồ-cuộc của nhà ông cha hay chơi để lại, nên cũng dỗi theo thú chơi ông bà mà nuôi bò-câu mỗi để đi đánh chơi với bạn-hữu anh em cho vui.

(4) Tổ hình-tích con bò-câu; Cánh như cánh chim phụng, chơn như chơn chim hồng, lưng như lưng con công, đầu như đầu con sáo.

(5) Ăn thì có lúa-má thiếu gì, mặc (làm tốt) thì có hột cườm quanh cổ như đeo chuỗi hột vậy.

(6) Tiếng kêu cung đủ cách hoặc *gù*, hoặc *gáy*, hoặc *chiều*,



- Có giọng kim giọng đồng giọng thổ. (1)
- 11 Nội Châu non Thuần ngày vui,  
Cội bá nhành tùng tối ngủ. (2)
- 12 Ngãi tám-mắn nặng nguyên giai lão,  
Đạo thất-gia hằng vui chữ xướng tùy;  
Thê phong-cương quyết găng hơn thua;  
Trường chiến-đấu cũng ra tài thắng-phụ. (3)
- 13 Ruộng tam-bảo dẫu dựng cho chùa-miêu,  
Cũng đem nhau tới lấy khẩu-phân;  
Vườn tứ-lần bất luận thuộc công tư,  
Thấy chia chúng về làm tài chủ. (4)
- 14 Đã xong một nỗi chim mồi,  
Lại sắm các đồ khí cụ.
- 15 Gây nang kiếm lá,  
Tạo cái lồng cho dánh rập thanh-bai;  
Phát gốc rẽ gai,  
Tìm cái gộc cho khúc-khiu kì-cú. (5)

---

(1) Giọng cũng có bậc cao thấp: là giọng *kim* giọng *đồng* giọng *thổ*.

(2) Ban ngày thì bay đi chơi vui mặc sức hoặc dưới nội nhà Châu, hoặc trên non vua Thuần (=ngoài đồng trên núi).

(3) Trời đã phú tánh cho nó cũng có đạo vợ ngãi chồng cũng lo sinh-sản nối dòng; lại cũng có lòng mạnh-mẽ mà binh-vực chốn riêng mình ở, đồng riêng mình ăn; có con khác lạ xú tới thì xua đuổi, nên sinh ra có đá nhau mà tranh giải.

(4) Ruộng vườn ai mặc lòng, bò-câu nó cũng tới nó giành phần ăn, chia giải ra với nhau không cho bọn khác tới loán.

*Ruộng tam-bảo*, = ruộng (vô chủ) bông-lông không về của ai, hề thuộc về chùa thì gọi là *tam-bảo* hay-là *tam-bửu*.

*Vườn tứ-lần*, = vườn xung quanh bốn phía.

*Công* là của chung, hoặc của nhà-nước.

*Tư* là của riêng.

*Khẩu phần* là chia tay nhau ra mà ăn, mà cứ chia miệng vậy.

(5) Làm cái lồng nuôi bò-câu thì kiếm nang cây cho tốt, lựa dánh cho đẹp cho xinh; đi phá gai-gốc mà tìm cái cây làm cầu lông cho khúc-khiu dị-kì-cú mới nghe cho,

- 16      Tròn vành vắn nẹp,  
Nào ra hình trái lựu trái lựu;  
Xấp xành dăm cào,  
Trở ra dưng đầu lung đầu lủ. (1)
- 17      Dưới trùn dều co chũa-thổng,  
Cao thấp mĩa in quĩ-cu. (2)
- 18      Chấm thả vào, người nhấm cũng xẻ;  
Treo lên đó, ai qua cũng ngỡ.
- 19      Đem-tự hiểu-lâm,  
Lên tại ki trung;  
Tổ họ bằng môn  
Thành như yếu-cổ. (3)
- 20      Thời vi-ngô, ngày rông lượn tập,  
Đem đem hàng gậy nguyệt gủ ương;  
Vân hữu-vi, chỉ cả hương nồng,  
Ngày ngày những chiều mây trời giã. (4)
- 21      Lãng-xang điều cộn chớp-lâm,  
Giúp-gười khản điệu cho phôi.
- 22      Người ta nhấm xa quẻ khản nôm,  
Phòng chừng ấu cộn anh-danh;  
Kể tựa nhấm võ que dây rơm,

(1) Cái vành cái nẹp cũng bị làm cho khảm, trở ra hình trái lựu, vẫn thì chũa-trổ đầu rông đầu lủ cho xẻ.

(2) Làm cao-thấp cũng lên có một thước kích-lâm-cổ.

*Chũa-thổng* v. là nửa dầy — mực thước, đồ-bương.

*Quĩ-cu* v. là khảm phôi — cái xẻ và cái thước mảnh.

(3) *Đem-tự hiểu-lâm* v. — Đem đem hiểu-lâm.

*Lên tại ki trung* v. — Lên ở tại trong kỳ.

*Tổ họ bằng môn* v. — Cùng là.

*Thành như yếu-cổ* v. — thành bị thiếu thiếu-mem.

(4) Khi ở nhà, chưa có dịp đi học đi đánh, thì thường học hương tập lượn, đem ngày kết gậy kết gủ.

Khi có dịp đi đánh học-văn, thì vào sân vào học đi xa, cũng học tập của nó hàng, nó gậy, nó gủ nó chưa học-văn người học của nó vào học.

*Trùn* v. là chưa gặp thì, lủ, lủ-lủ.

*Đem-tự hiểu-lâm* v. là đem tự đi ra hiểu-lâm.



- 23 Ai cũng tưởng mấy tên trấn-phủ. (1)  
Trong vi-ác vận-trù quyết thắng,  
Mưu-kế dùng mai-phục chi công;  
Giữa lòng trời xếp lá rung cây,  
Lời-dinh chuyển tạt phu chi nộ. (2)
- 24 Mới rồi tay sẽ nghỉ-ngơi,  
Chúc ấy bay về nghỉ đỗ. (3)
- 25 Cũng có khi dặng bốn năm con,  
Cũng có bữa trật năm ba độ.
- 26 Chênh-chênh ác xế đầu đoài.  
Gác gác cây nghiêng bóng đậu. (4)
- 27 Vườn Thượng-huyền cỏ cây ướm trái,  
Vô sự tiêu thần tiên;  
Nội châu-nguyên thấy tở đề-huê,  
Hữu danh nhân phan-nậu. (5)  
Rượu nguyên dầm độc Vị qui thân,  
Nhà sấm sẵn những mùi khả khẩu. (6)  
Xin anh dùng cho hết đĩa ram,  
Mời tở xơi cho ngon chén xáo. (7)

---

(1) Ở xa thấy bọn đi đánh (lục) bò-câu, quấy lỏng che khăn điều, ăn mặc khăn nón hân-hội, thì tưởng là các cậu phong-lưu đi dạo; mà lại gần thì thấy vác sào, lục, dây, nọc..... thì coi ra như bọn lính hầu tra vậy.

*Vận trù c.* = tính mưu.

*Mai phục chi công c.* = là việc đánh mưu, núp rình, phục binh  
(2) *Lời-dinh c.* = sấm chớp. [mà bắt.

*Tạt-phu chi nộ c.* = sức hăng kẻ đi săn, hăm-hở sẵn cho dặng mới nghe cho.

(3) Đánh được rồi một bận, thì nghỉ, đem mồi xuống.

(4) Hối mặt-trời gần lặn.

(5) *Vườn thượng-huyền* là vườn chơi đời nhà Hán.

*Nội Châu-nguyên*, đồng nhà Châu.

*Phan nậu c.* là nấu-nướng.

(6) Sẵn có rượu dầm một vị là vị đơn-qui thân, lại có đồ ở nhà sấm sẵn đồ gia-vị như muối, ớt, sả, rau, chuối v. v.

(7) Nấu rồi hoặc ram hoặc xáo, mời nhau ăn cho hết thịt ram uống rượu; còn lại thịt xáo hoặc cháo thì cho trẻ tùy-nhi đi theo

Trên hát bài *Nghiêu Thuấn* quân dân,  
Dưới cần-chúc Thái-hoàng thượng-thọ. (1)

---

5. — CHÓ. (KHUYẾN)

Chó thì có chó rừng chó nhà; mỗi loại có nhiều thứ khác nhau.  
Chó rừng. *Chó sói*. — *ngao*, lớn con. — *chó* (= chó má) nhỏ con, chó rừng ở hang, tối ban đêm nó đi ăn như thỏ, sáng hơi lẩm.  
Chó nhà: Chó nhà cũng có *chó săn*, *chó giữ nhà*,  
Chó, biểu đi thì *xít*, kêu lại thì *ô*, *măng chó*, la nó cho nó nín thì la: *Chó! chó nghe! chó nấy bay!* hay-là kêu tên nó ra một cái; giả như *Vắm!*

Chó có nhiều sắc, vện, vàng, khoan, đốm v. v.  
*Chó cò* là chó trắng lông (như con cò).

SẮC CHÓ.

Chó *vện* là chó có vằn có vện như con cạp. — *vện vàng*, mình vàng vằn đen. — *vện giấy*, mình mốt vằn đen.

Chó *hùm* là chó bộ-tịch dữ ức sa lại có vằn-vện như con hùm.

Chó *gấu*, là chó đen lông như lông con gấu chó vậy.

Chó *mực* là chó lông nó đen thui, toàn sắc.

Chó *bò*, là chó vàng lông lại lớn vạm-vỡ (như con bò).

Chó *vàng*, là chó lông nó vàng khè cả mình. [vá đen.

Chó *vá*, là thứ chó đen vàng mà có vá trắng, hoặc trắng mà có

Chó *lước*, không trắng lắm cũng không vàng, đen gì lắm, lược-

Chó *mốc*, lông trắng hơn chó lược, đen hơn chó cò. [lước vậy.

Chó *phèn*, lông hue-hue như nước phèn.

Chó *luôm*, mình như chó lược, miệng lại có luôm đen.

Chó *đốm*, mình như chó mực, trắng ức, nơi trên con-mắt có 2 cái đốm tròn-tròn coi như hình có 4 con-mắt.

Chó *đeo*, (huyền đê) bốn chơn có dư móng sau, hoặc nơi 2 chơn

---

biểu nó ăn chơi cho vui.

(1) Tuy đi chơi vậy, ăn uống chơi cho vui mà cũng nhớ đạo trung đạo hiếu, nên ca hát bài thanh trị vua Nghiêu vua Thuấn (có vậy mới thông-thả mà chơi được), lại chúc thọ cho vua được muôn năm trường cửu.



trước, hoặc đủ cả 4 cơn.

[chút.

Chó *lở* (đuôi), hoặc toàn sắc gù mặc lông, mà chót đuôi trắng một

Chó *tai siêm* là chó trập tai, lại 2 tai nhỏ yếu mà sập xuống.

Chó *rái*, chó lùn thấp chơn mà lông lem-lem như lông con rái.

Chó *xù*, to lông dài lông xôm-xám.

Chó *lùn*, nhỏ thấp chơn.

Chó *cỏ*, nhỏ con, hay sữa.

Chó *trập*, dài mỏ, 2 tai lớn, yếu nó cúp xuống.

Chó *khoang*, là chó có khoang (là khoang ăn giáp mí), hoặc nơi cổ, nơi mình, nơi đuôi, nơi chơn.

— *chơn ché*, chó di vịnh chơn.

— *tro*, sắc nó như sắc tro.

— *khói*, sắc nó như sắc khói.

### BỆNH CHÓ.

Chó *dại* (=chó *diên*). Hễ thấy chó dở bọt mồm bọt miếng, đổ con-mắt, lơ-lửng mắt, quít đuôi xuống, cứ chạy bậy mãi thì biết nó là chó dại. Nó cắn nhằm người-ta không biết thuốc mà trừ nọc, thì nửa sau (100 ngày trước sau) nó bắt ngộp mà chết.

Thuốc hay hơn là cây, lá, rễ, trái cà-đước sắc cho uống. Khi ngộp uống không được thì có một cái lấy nhơn-trung-huỳnh (phần tươi, mới) quẹt nơi mũi thì khi ấy nó uống được khỏi ngộp.

Tên hay đặt cho chó sẵn, chó nhà mà kêu thì là :

Chó *chồm*, — *chup*, — *gấu*, — *bỏ*, — *tìm*, — *mo*, — *theo*, — *đuổi*, — *nai*, — *riết*, — *vằm*, — *xù*, — *xoáy*, — *xi*, — *xé*, — *rúc v. v...*

Có khi lại lấy theo sắc nó mà kêu làm tên nó nữa.

### MÈO. (MÈU c.)

Mèo cũng có mèo *rừng* mèo *nhà*. Nó thì nuôi mà bắt chuột, nó đi thì *hổng-thương*, ngồi thì *chùm cẳng*, nằm thì hay nằm *khoanh*; nằm *mẹp*; nó bắt chuột thì nó rình nó chụp; nó ngủ, nó *ngoao*, nó *quào*, nó *vả*: nó lại có tài hay *trèo*.

Mèo *mun* (=mực), nó đen hết cả mình.

— *vá*, có miếng đen, miếng trắng, miếng vàng xen nhau.

— *mướp*, mình lợt-lợt mốc-mốc có sọc đen-đen.

— *gấm*, lông xanh-xanh có sọc đen-đen, như mèo tam thể mà

— *tam thể*, đủ 3 sắc, trắng, đen, vàng.

[sậm hơn,

— vàng, vàng tuốt cả mình.

Chó treo mèo dầy. Ăn như mèo. Thèm như mèo thấy mỡ. Chửi chó mắng mèo. Viết như mèo quào. Mèo lành ai nở cắt tai. Trói mèo; lộn mèo.

Đồ chó! Đồ chó chết! hỏn như chó. Bòn tro đãi trấu, để cho chó gấu nó ăn. Còi chó. Cứt chó! Xít chó bó giang. Chó đói xấu mặt chủ nhà (người nuôi). Chó đẻ bốn con. Chó ăn thịt chó. Nước chó chấm chó. Như chó. Chùm chơn chó. Lỗn-lẽn như chó ăn vụng bột. Đánh chó kiêng chủ nhà. Bán chó treo dê.

Kêu mèo thì kêu : *Miêu miêu ! mím mím !*

#### CA MÈO HAY MÈO DỠ.

Tướng miêu thân đoán tối vi lương,  
Nhân dụng kim ngân vĩ dụng trường,  
Thinh hống bào-hao oai tợ hổ,  
Lão thử văn chi lập tức vương.

Nuôi mèo thì coi làm-sao? Hễ nó kêu ngoao có oai như cọp, ấy là mèo tốt chuột sợ thất-kinh; lại thêm vằn mình đuôi dài mà nhỏ; con-mắt tỏ-rõ như con-mắt thau, ở với nhà giàu bắt không còn chuột.

Lộ trảo năng phiên ngỏa,  
Trường yên thị tẩu gia,  
Diện trường kê noãn tiết,  
Vĩ đại lại như xà.

Mèo nào lướt-bướt, đuôi lớn dài mình, chuột phá như tinh bơ-ngơ báo-ngáo, lại thêm lộ trảo là lộ móng ra, tối dạo các nhà kiếm đồ ăn vụng; mặt dài miệng rộng, gà dẽ nó ăn; vô bếp xăng-văng quào tro lấp lại, trong nhà hư-hại thổng mỡ thếp đèn, thấy đã nhiều phen đập chết mà bỏ.

---

#### 6. — HEO (LỖN) (=THỈ)

Heo cũng có heo rừng heo nhà. Tiếng dòi hay kêu là heo-lợn; heo-củ (=củ), heo-quéo.



HEO RỪNG.

HEO RỪNG — Nó lớn thì có *nanh*, nó hay *dánh*, khi đánh miệng nó *đổ bọt óp nó bập-bập*. Nanh nó người-ta hay lấy mà làm cán dao ăn trâu.

— *lăn chai*, là heo lớn dài nanh dài da, nó không sợ thú dữ nên nó đi *độc chiếc*, một mình, không thêm đi bầy.

HEO NHÀ

Heo *vòi*, dài mỏ to xương, nuôi mau lớn.

— *cò*, heo thường nhỏ xương, nhỏ vóe.

— *nái*, là heo để *nái* cho nó đẻ con.

— *con*, heo mới đẻ hay-là còn nhỏ.

— *thừa vú*, là khi nái vú ít mà heo con nhiều.

— *hạch*, tự-nhiên mà leo dái.

— *leo*, thiếu không hết cái bao sau nó lại lại nữa, *leo dái*.

SẮC HEO.

— *đen*, sắc nó đen hết cả mình.

— *bông*, sắc trắng hết cả mình.

— *bông đai*, đen lưng tới nửa bụng chạy ra tới đuôi; mỏ, đầu, bụng, chơn trắng.

— *lang*, mình đen, 4 cẳng trắng cùng hay-là từ nửa chơn sắp

— *vá*, có vá đen vá trắng từ miếng. [xuống.

— *vá chàm*, mình trắng vá xanh.

— *sọc dưa*, lòng hue-hue thừa-thừa.

— *nựa*, dòng heo đỏ con-mắt, thịt vàng, mỡ vàng, dừ hay cắn.

— *ỷ*, dòng vằn mỡ nhỏ mặt.

— *đai*, (=vá)

Kêu heo thì kêu : *ụt ụt*. — Heo bỏ củi mà đi đám cưới đám hỏi thì đặt chữ *ô tương quẩn*. Heo đi lễ đi tết hoặc để sống đóng củi, hoặc làm ra *heo đở*, *heo quay*.

*Rửa đực* là mới chịu đực.....

*Nhảy* (cái) là heo đực nhảy heo cái.

Tục bắt *vạ heo* là *vạ* 3 quan tiền.

Tục hay nói ví :

*Đồ ăn cám heo!* là bộn quân khờ-dại như con heo ăn những  
cám những chuối.....

*Bậy như heo! Bậy như cháo heo!*

*Heo đố,* là heo đã làm lông, làm lòng rồi, để nguyên con.

*Heo quay,* là heo làm để nguyên con gia vị mà quay nó đi.

*Đầu heo nọng thịt.*

*Vì đầu heo gánh gộc chuối.*

*Tiền cheo, heo khoán.*







